

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TKD22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253403021619	Trần Thị Quỳnh Anh	24/04/2007				8	6.0	8.0			5.0		5.9
2	2253403021620	Đặng Sĩ Đăng	20/06/2007				7	7.0	7.0			6.0		6.4
3	2253403021621	Nguyễn Thị Liễu Đào	15/08/2007				9	7.0	9.0			6.0		6.9
4	2253403021622	Lê Long Trường Định	27/05/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2253403021623	Nguyễn Thị Đờ	03/06/1987				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2253403021624	Mustofa Saly Hah	20/10/2007				8	7.0	8.0			8.0		7.8
7	2253403021625	Lưu Quang Hy	02/06/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
8	2253403021626	Lê Thị Hồng Lam	05/06/2007				8	8.0	8.0			8.0		8.0
9	2253403021627	Phan Vũ Luân	13/04/2007				7	8.0	7.0			6.0		6.6
10	2253403021628	Đào Văn Minh	26/02/2007				9	9.0	9.0			6.0		7.2
11	2253403021629	Lê Ngọc Hồng Nga	13/12/2006				8	5.0	8.0			6.0		6.3
12	2253403021630	La Mỹ Nhân	31/03/2003				8	9.0	8.0			9.0		8.8
13	2253403021631	Nguyễn Thị Nhanh	21/09/2004				9	6.0	9.0			8.0		7.9
14	2253403021632	Vương Ngọc Yến Nhi	29/06/2007				9	5.0	9.0			9.0		8.4
15	2253403021633	Nguyễn An Ninh	26/08/2007				9	8.0	9.0			6.0		7.0
16	2253403021634	Nguyễn Hoàng Thái Phong	06/09/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
17	2253403021635	Nghiêm Tấn Phúc	28/11/2006				8	6.0	8.0			7.0		7.1
18	2253403021636	Trần Nguyễn Thị Nhựt Phụng	30/12/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
19	2253403021637	Đỗ Xuân Sanh	15/01/2004				6	7.0	6.0			8.0		7.4
20	2253403021638	Nguyễn Văn Tài	14/07/2007				5	8.0	5.0			7.0		6.7
21	2253403021639	Nguyễn Thị Kim Thanh	28/04/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2253403021640	Nguyễn Thị Kim Thoa	24/12/2007				8	5.0	8.0			7.0		6.9
23	2253403021641	Trần Quốc Thông	17/03/2006				9	10.0	9.0			6.0		7.4
24	2253403021642	Lý Trần Minh Thư	22/08/2007				8	5.0	8.0			5.0		5.7
25	2253403021643	Huỳnh Thủy Tiên	25/02/2005				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
26	2253403021644	Mai Thị Cẩm Tiên	06/08/2006				0	8.0	9.0			10.0		8.7
27	2253403021645	Trần Minh Tiến	24/05/2007				7	5.0	7.0			5.0		5.5
28	2253403021646	Phạm Bảo Toàn	11/09/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2253403021647	Nguyễn Thị Ngọc Trân	06/01/2007				7	7.0	7.0			6.0		6.4
30	2253403021648	Trần Thị Huyền Trân	12/11/2007				8	5.0	8.0			5.0		5.7
31	2253403021649	Trương Thị Huyền Trân	19/05/2005				5	8.0	5.0			5.0		5.5
32	2253403021650	Đỗ Thị Tuyền	23/05/2007				8	7.0	8.0			8.0		7.8
33	2253403021651	Huỳnh Bảo Yến	20/09/2007				7	5.0	7.0			5.0		5.5
34	2253403021652	Nguyễn Hải Yến	10/09/2007				7	6.0	7.0			5.0		5.6
35	2253403021653	Nguyễn Hoàng Long	06/09/2004				8	7.0	8.0			7.0		7.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 11 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm